TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS – ST
Ngày: 05 - 7 -2024
"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thành Đô và bà Trần Thị Chín.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tường Vi– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: thôn Sơn Q, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: thôn Sơn P, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông h, sinh năm: 1963. Nơi cư trú: thôn Sơn Q, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Ngày 20/12/2021, vợ chồng bà (Nguyễn Thị C và Phan Văn D) có cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền là 582.605.808đ (Năm trăm, tám

mươi hai triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng), lý do vay tiền để bà K trả nợ ngân hàng, khi vay có giấy tờ viết tay, các bên thỏa thuận 03 tháng sau bà K sẽ trả số tiền trên, lãi suất theo quy định pháp luật. Đến ngày 05/5/2022, vợ chồng bà tiếp tục cho bà K vay thêm số tiền là 16.480.000đ (Mười sáu triệu, bốn trăm, tám mươi nghìn đồng), khai vay có giấy tờ viết tay, các bên có thỏa thuận lãi suất theo quy định pháp luật, hẹn 01 tháng sau trả gốc và lãi.

Đến hạn trả nợ thì vợ chồng bà có đòi nhiều lần nhưng bà K không trả. Bà yêu cầu giải quyết buộc bà K trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc là 599.085.808đ (Năm trăm, chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng), tiền lãi tính theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 20/4/2023 là 582.605.808đ x 1,66%/tháng x 16 tháng = 154.740.103đ. Đối với khoản vay ngày 05/5/2022, không yêu cầu tính lãi. Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà K phải trả cho vợ chồng tôi là 753.825.911đ và tiền lãi tạm tính theo quy định pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Số tiền vợ chồng bà cho bà K vay là 582.605.808 đồng mục đích để bà Nguyễn Thị K chuộc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trong ngân hàng, trong đó có 02 GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn Thơ (chồng bà K, ông Thơ đã chết năm 2022) và 01 GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Thị K. Bà có giữ 03 GCNQSDĐ này để làm tin, trong đó có 01 GCNQSDĐ bà K đã sang nhượng cho bà, đã hoàn tất thủ tục sang tên bà, hiện nay bà đứng tên trên 01 GCNQSDĐ. Còn lại bà đang giữ 02 GCNQSDĐ của bà K: 01 GCNQSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐ số 228...QSDĐ/... diện tích 690m2 thửa số 1 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 24/10/2000 hộ ông Nguyễn Văn Thơ đứng tên và 01 GCNQSDĐ diện tích 224,9m2 thửa 139 tờ bản đồ 18 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước Sở TN và MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2022 bà Nguyễn Thị K đứng tên. Hiện nay bà đồng ý trả lại cho bị đơn bà K 02 GCNQSDĐ này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D trình bày:

Ngày 20/12/2021, vợ chồng ông (ông và bà C) có cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền là 582.605.808đ (Năm trăm, tám mươi hai triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng), các bên thỏa thuận 03 tháng sau bà K sẽ trả số tiền trên, lãi suất theo ngân hàng. Đến ngày 05/5/2022, vợ chồng tôi tiếp tục cho bà K vay số tiền là 16.480.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), hẹn 01 tháng sau trả gốc và lãi. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền thì bà K không trả. Nay ông yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà K trả lại số tiền gốc đã vay và lãi suất tính theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà K trả cho bà C số tiền vay gốc là 599.085.808đ (Năm trăm, chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng); tiền lãi hiện nay bà

C yêu cầu tính 01%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay ngày 05/7/2024 tính tròn 30 tháng đối với khoản vay 582.605.808 đồng. Đối với khoản vay 16.480.000đ không yêu cầu tính lãi suất. Bà đồng ý trả lại cho bà K 02 GCNQSDĐ: 01 GCNQSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐ số 228...QSDĐ/... diện tích 690m2 thửa số 1 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 24/10/2000 hộ ông Nguyễn Văn Thơ đứng tên và 01 GCNQSDĐ diện tích 224,9m2 thửa 139 tờ bản đồ 18 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước Sở TN và MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2022 bà Nguyễn Thị K đứng tên.

Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệu đồng ý toàn bộ với ý kiến, yêu cầu của bà C.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà K phải trả bà C tổng số tiền nợ gốc 599.085.808đ (Năm trăm, chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng); tiền lãi tính 01%/tháng kể từ ngày vay cho nay đối với khoản vay 582.605.808 đồng. Đối với khoản vay 16.480.000đ không yêu cầu tính lãi suất nên không giải quyết lãi suất. Bà C phải có nghĩa vụ trả bà K 02 GCNQSDĐ: 01 GCNQSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐ số 228...QSDĐ/... diện tích 690m2 thửa số 1 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 24/10/2000 hộ ông Nguyễn Văn Thơ đứng tên và 01 GCNQSDĐ diện tích 224,9m2 thửa 139 tờ bản đồ 18 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước Sở TN và MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2022 bà Nguyễn Thị K đứng tên.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1970. Cư trú: Thôn Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền vay gốc là 599.085.808đ (Năm trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng) và tiền lãi.Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu bà K phải trả tổng số tiền nợ gốc 582.605.808 đồng và 16.480.000 đồng:

Xét thấy, căn cứ giấy vay tiền ngày 20/12/2021 có thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị K có vay bà C số tiền 582.605.808 đồng, mục đích vay tiền để chuộc sổ đỏ đang cầm ngân hàng, hẹn sau 03 tháng trả tiền gốc và lãi. Khi vay hai bên có giấy tờ viết tay. Ngoài ra phía dưới trong cùng giấy vay tiền trên thể hiện nội dung: Ngày 05/5/2022 mượn thêm của bà C 16.480.000đ, người vay bà Nguyễn Thị K ký tên trong giấy vay tiền. Tổng cộng số tiền bà K vay bà C là 599.085.808 đồng.

Đến hạn trả nợ nhưng bà K không trả tiền cho bà C. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Như vậy, đến hạn trả nợ vào ngày 05/6/2022, bị đơn bà K không trả đầy đủ số tiền vay cho bà C là bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bà K phải trả số tiền nợ gốc 599.085.808 đồng là có cơ sở cần được chấp nhận. Cần buộc bị đơn bà K phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Diệu số tiền nợ gốc 599.085.808 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn bà K phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 582.605.808 đồng với mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay ngày 05/7/2024 tính tròn là 30 tháng:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 20/12/2021 thể hiện nội dung: Bà K hẹn sau 03 tháng trả cho bà C số tiền cộng với lãi suất ngân hàng. Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay..."*. Nguyên đơn yêu cầu tính theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày vay 20/12/2021 đến nay ngày 05/7/2024 tính tròn là 30 tháng là phù hợp cần chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 582.605.808đ x 01%/tháng x 30 tháng = 174.781.742 đồng.

Đối với khoản vay 16.480.000đ, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

Như vậy, cần buộc bị đơn bà K phải trả nguyên đơn bà C số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 599.085.808đ + 174.781.742 đồng = 773.867.550 đồng.

Ngoài ra, tại phiên tòa nguyên đơn bà C khai khi bà cho bà K vay tiền thì bà có giữ 02 GCNQSDĐ của bà K để làm tin: 01 GCNQSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐ số 228...QSDĐ/... diện tích 690m2 thửa số 1 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 24/10/2000 hộ ông Nguyễn Văn Thơ đứng tên và 01 GCNQSDĐ diện tích 224,9m2 thửa 139 tờ bản đồ 18 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước Sở TN và MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2022 bà Nguyễn Thị K đứng tên. Ông Nguyễn Văn Thơ là chồng bà K hiện đã chết. Bà đồng ý trả lại cho bị đơn bà K 02 GCNQSDĐ này. Vì vậy, cần buộc bà C có nghĩa vụ trả bà K 02 GCNQSDDd nêu trên.

[3] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền gốc và lãi tổng cộng là 773.867.550 đồng (bảy trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm, sáu mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

2. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà K 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: 01 GCNQSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐ số 228...QSDĐ/... diện tích 690m2 thửa số 1 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 24/10/2000 hộ ông Nguyễn Văn Thơ đứng tên và 01 GCNQSDĐ diện tích 224,9m2 thửa 139 tờ bản đồ 18 tại Sơn Phú, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước Sở TN và MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2022 bà Nguyễn Thị K đứng tên.

3.Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K phải nộp 34.954.702 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.076.518 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001209 ngày 05/10/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà